

Số: /BC-KTHT

Yên Thế, ngày tháng 11 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm định Đồ Án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 đến 2035, tỷ lệ 1/10.000**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch – Luật số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ các Nghị định: số 44/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 35/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư số: 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ các Quyết định: Số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Quyết định: Số 838/QĐ-UBND ngày 03/08/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/25.000); số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; số 285/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2030; Quyết định số

744/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Yên Thế; số 258/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Yên Thế;

Căn cứ Quyết định số 698/QĐ- UBND ngày 09/12/2022 của UBND huyện Yên Thế về việc phê duyệt Nhiệm vụ: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2035 ( tỷ lệ 1/10.000).

Nghị quyết số 11/NQ-HĐND của HĐND xã Tiến Thắng ngày 11/7/2023 về việc thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 đến 2035, tỷ lệ 1/10.000;

Sau khi xem xét Tờ trình số 995/TTr-UBND ngày 06/11/2023 của UBND xã Tiến Thắng kèm theo hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 đến 2035, tỷ lệ 1/10.000 đã hoàn thiện theo ý kiến tham gia tại Hội nghị thẩm định ngày 22/9/2023 của các thành viên Hội đồng (thành lập theo Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Chủ tịch UBND huyện Yên Thế), ý kiến của UBND huyện tại Thông báo số 266/TB-UBND ngày 23/8/2023, Thường trực Huyện ủy tại Thông báo số 482-TB/HU ngày 16/8/2023 và Ban Thường vụ Huyện ủy tại Thông báo số 494-TB/HU ngày 05/9/2023, Phòng Kinh tế và Hạ tầng báo cáo UBND huyện kết quả thẩm định với những nội dung chính như sau:

### **1. Lý do và sự cần thiết**

Quy hoạch chung xây dựng xã Tiến Thắng được lập và phê duyệt từ năm 2015, sau 8 năm triển khai tổ chức thực hiện đã đạt được nhiều kết quả nhất định. Tuy nhiên giai đoạn 2015 đến nay, các chính sách, chủ trương, các quy hoạch cấp trên và các cơ sở pháp lý lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn trong giai đoạn hiện nay đã có nhiều thay đổi; những dự án lớn, mang tính động lực đã và đang triển khai và các yếu tố khác có ảnh hưởng đến các dự báo về phát triển dân cư, kinh tế - xã hội của địa phương dẫn đến ảnh hưởng tới đồ án quy hoạch chung xây dựng NTM xã Tiến Thắng. Đặc biệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 và Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050 đã được phê duyệt tác động mạnh mẽ đến huyện Yên Thế nói chung và xã Tiến Thắng nói riêng. Do đó việc lập Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tiến Thắng giai đoạn 2022 - 2035 là cần thiết, đảm bảo việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng trong giai đoạn 2022-2035 phù hợp và thống nhất với quy hoạch cấp trên, làm cơ sở để địa phương triển khai công tác đầu tư xây dựng, phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tạo tiền đề, điều kiện khai thác hợp lý, phát huy được những lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự liên kết trong vùng, mở rộng thị trường, phát triển sản xuất một cách bền vững. Đồng thời, từng bước nâng cao điều kiện sống, dân trí của người dân, góp phần xây dựng nếp sống văn minh, hiện đại ở khu vực nông thôn, đáp ứng tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn theo Kế hoạch.

### **2. Vị trí, ranh giới phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch**

- **Phạm vi nghiên cứu điều chỉnh:** Quy hoạch bao gồm toàn bộ xã Tiến Thắng. Ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Tam Tiến.
- + Phía Nam giáp xã An Thượng.
- + Phía Đông giáp xã Tân Hiệp.
- + Phía Tây giáp xã Tân Đức, Tân Hòa huyện Phú Bình.

Dân số hiện trạng: Khoảng 4.557 người, dân số quy hoạch đến năm 2035 khoảng 5.238 người.

- **Tổng diện tích lập điều chỉnh quy hoạch chung:** Khoảng 2.155,6ha.

### **3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của đồ án:**

Căn cứ theo QCXDVN 01: 2021/BXD và Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn.

- + Đất ở:  $\geq 25\text{m}^2$  đất/người.
- + Đất công trình công cộng, dịch vụ:  $\geq 5\text{m}^2$ /người.
- + Đất giao thông hạ tầng kỹ thuật:  $\geq 5\text{m}^2$ /người.
- + Đất cây xanh:  $\geq 2\text{m}^2$ /người.
- Chỉ tiêu cấp nước: Tối thiểu 60 lít/người/ngày.
- Chỉ tiêu cấp điện : Tối thiểu 200W/người.
- Tổng lượng nước thải (lấy bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước).

### **4. Các nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch chung**

#### **4.1. Khu trung tâm xã:**

- Trụ sở Đảng ủy-UBND-HĐND hiện trạng đã đạt chuẩn và đáp ứng được nhu cầu sử dụng của xã có tổng diện tích khuôn viên hiện trạng là 4.461m<sup>2</sup>. Hiện nay trụ sở UBND đang tiếp tục được cải tạo và chỉnh trang xứng đáng tầm vóc là công trình trung tâm tiêu biểu của xã Tiến Thắng.

- Xây dựng trụ sở Công An xã Tiến Thắng: Dự kiến quy hoạch trụ sở Công An tại khu đất đối diện UBND với diện tích khoảng 0,15ha.

- Quy hoạch khu ban chỉ huy quân sự xã tại vị trí nghĩa trang liệt sỹ cũ có quy mô 0,1ha.

- Quy hoạch cơ sở TBXH ngoài công lập số 9 quy mô 16ha.

- Quy hoạch mở rộng thao trường bắn S=61,88ha, tổng sau khi mở rộng là 98,88ha.

- Quy hoạch XD CTQP trong khu TTBM- lữ đoàn 299, diện tích là 2,0ha.

- Bưu điện và viễn thông: Hiện tại xã có 01 bưu điện nằm tại thôn Tiến Thịnh rộng 260m<sup>2</sup>.

- Hệ thống thông tin liên lạc: Xã có 04 trạm phát sóng Viettel và 02 trạm phát

sóng Vinaphone đáp ứng 100% đến từng hộ dân.

- Trạm Y tế: Nằm tại thôn La Thành, diện tích 1.511m<sup>2</sup>, nhà 1 tầng được giữ nguyên diện tích, hiện xã đã đạt chuẩn Quốc gia về y tế.

- Nhà văn hóa xã: Hiện trạng đã đạt chuẩn, được xây dựng trong khuôn viên trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã có quy mô sức chứa tối đa 300 người, phục vụ nhu cầu tổ chức hội nghị, sự kiện của xã.

- Quy hoạch mở rộng trường Trung học cơ sở 0,1ha, diện tích sau mở rộng là 0,707ha.

#### **4.2. Quy hoạch định hướng phát triển các khu trung tâm văn hóa thôn, xóm:**

Một số nhà văn hóa, khu trung tâm văn hóa thôn, bản giữ nguyên hiện trạng và quy hoạch mở rộng một số nhà văn hóa, khu trung tâm văn hóa thôn, bản.

+ Quy hoạch khuôn viên nhà văn hóa thôn Tiến Thịnh diện tích 0,2ha.

+ Quy hoạch mở rộng khuôn viên nhà văn hóa thôn La Thành diện tích 0,12ha, tổng diện tích sau mở rộng là 0,22ha.

+ Quy hoạch mở rộng nhà văn hóa thôn Hợp Thắng diện tích 0,18ha, tổng diện tích sau mở rộng là 0,62ha.

#### **4.3. Quy hoạch phát triển điểm dân cư nông thôn:**

+ Quy hoạch khu dân cư thôn Hợp Thắng với quy mô 2,0ha.

+ Quy hoạch khu dân cư thôn Tiến Thịnh với quy mô 1,5ha.

+ Quy hoạch khu dân cư thôn La Thành với quy mô 34,05ha.

#### **4.4. Quy hoạch đất xây dựng các khu chức năng khác:**

+ Quy hoạch đất thương mại dịch vụ thôn La Thành quy mô 4,73ha.

+ Quy hoạch đất thương mại dịch vụ, năng lượng thôn La Thành quy mô 2,8ha.

+ Quy hoạch đất thương mại (chợ Tiến Thắng) quy mô 0,75ha.

+ Quy hoạch đất thương mại dịch vụ xã quy mô 30,1ha.

+ Quy hoạch khu đô thị nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí Hồ Cầu Rễ diện tích là 47,16ha.

+ Quy hoạch khu du lịch sinh thái Hồ Cầu Rễ diện tích là 27,9ha.

+ Quy hoạch đất sân Golf hồ Cầu Rễ diện tích là 173ha.

+ Quy hoạch khu du lịch sinh thái Hồ Đá Ong diện tích là 74,01ha.

#### **4.5. Đất nông, lâm nghiệp:**

- *Đất sản xuất nông nghiệp:*

+ Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp năm 2022: 1.716,88ha.

+ Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2022-2030: 1.209,97ha.

+ Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2031-2035: 1,189,07ha.

- *Đất lâm nghiệp:* Trong kỳ quy hoạch từ nay đến năm 2035 tập trung vào công



	dụng									
1.3	<b>Đất nuôi trồng thủy sản</b>	<b>NTS</b>	<b>41,38</b>	<b>1,92</b>	<b>-1,42</b>	<b>39,96</b>	<b>1,85</b>		<b>39,96</b>	<b>1,85</b>
1.4	<b>Đất làm muối</b>	<b>LMU</b>								
1.5	<b>Đất nông nghiệp khác</b>	<b>NKH</b>			<b>1,25</b>	<b>1,25</b>	<b>0,06</b>		<b>1,25</b>	<b>0,06</b>
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>		<b>210,080</b>	<b>9,75</b>	<b>531,18</b>	<b>741,264</b>	<b>34,39</b>	<b>20,97</b>	<b>762,229</b>	<b>35,36</b>
2.1	<b>Đất ở</b>	<b>OCT</b>	<b>56,4</b>	<b>2,62</b>	<b>15,03</b>	<b>71,4331</b>	<b>3,31</b>	<b>0,00</b>	<b>71,4331</b>	<b>3,31</b>
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	56,4	2,62	15,03	71,43	3,31		71,43	3,31
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT								
2.2	<b>Đất công cộng</b>		<b>4,43</b>	<b>0,21</b>	<b>1,25</b>	<b>5,68</b>	<b>0,26</b>	<b>0,10</b>	<b>5,78</b>	<b>0,27</b>
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,55	0,03		0,55	0,03		0,55	0,03
2.2.2	Đất y tế	DYT	0,15	0,01		0,15	0,01		0,15	0,01
2.2.3	Đất giáo dục	DGD	1,98	0,09		1,98	0,09	0,10	2,08	0,10
2.2.4	Đất văn hóa	DVH	1,75	0,08	0,50	2,25	0,10		2,25	0,10
2.2.5	Đất chợ	DCH	0		0,75	0,75	0,03		0,75	0,03
2.3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	DTT	1,41	0,07	173,00	174,41	8,09		174,41	8,09
2.4	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0	0,00		0,00	0,00		0,00	0,00
2.5	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,6	0,07		1,60	0,07		1,60	0,07
2.6	Đất công nghiệp, tiểu thủ CN			0,00	10,46	10,46	0,49	0,00	10,46	0,49
a	Đất tiểu thủ công nghiệp	TTCN		0,00		0,00	0,00		0,00	0,00
b	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		0,00	10,46	10,46	0,49		10,46	0,49
2.7	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu XD	SKX		0,00	23,62	23,62	1,10		23,62	1,10
2.8	Đất xây thương mại	DTM		0,00	84,79	84,79	3,93		84,79	3,93
2.9	Đất hạ tầng kỹ thuật		95,75	4,44	41,09	136,84	6,35	20,77	157,61	7,31
a	Đất giao thông	DGT	88,4	4,10	39,14	127,54	5,92	20,37	147,91	6,86

b	Đất sử lý chất thải rắn	DRA		0,00	1,25	1,25	0,06		1,25	0,06
c	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	7,32	0,34	0,20	7,52	0,35	0,40	7,92	0,37
d	Đất năng lượng	DNL	0,03	0,00	0,50	0,53	0,02		0,53	0,02
e	Đất xây dựng trạm cấp nước			0,00		0,00	0,00		0,00	0,00
2.10	Đất thủy lợi	DTL	12,49	0,58		12,49	0,58		12,49	0,58
2.11	Đất quốc phòng	CQP	38	1,76	64,03	102,03	4,73		102,03	4,73
2.12	Đất an ninh	CAN		0,00		0,00	0,00	0,10	0,10	0,00
2.13	Đất du lịch sinh thái	DDL		0,00	101,91	101,91	4,73		101,91	4,73
2.14	Đất cơ sở TBXH	DXH	0	0,00	16,00	16,00	0,74		16,00	0,74
<b>3.</b>	<b>Đất khác</b>		<b>228,64</b>	10,61	-24,28	<b>204,36</b>	9,48	0,00	<b>204,36</b>	9,48
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	SON	228,57	10,60	-24,21	204,36	9,48		204,36	9,48
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	<i>BCS</i>	<i>0,07</i>	0,00	<i>-0,07</i>	0,00	0,00		0,00	0,00

## **6. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **6.1. Định hướng quy hoạch giao thông**

- Quy hoạch mới đường tỉnh ĐT-294B (tên mới) tuyến kết nối QL37-QL17-Võ Nhai rộng 45m dài 3,743km.

- Quy hoạch mới đường tỉnh ĐT-294D (tên mới) tuyến QL17 (Phồn Xương)-Tiến Thắng-Phú Bình Thái Nguyên rộng 45m dài 5,195km.

- Quy hoạch đường huyện lộ ĐH-54D chiều rộng 31,4m, dài khoảng 2,24km.

- Quy hoạch đường huyện lộ ĐH-54B chiều rộng 31,4m, dài khoảng 3,0km

- Quy hoạch mở rộng đường huyện lộ ĐH-54C chiều rộng từ 6m lên 31,4m, dài khoảng 3,57km.

- Quy hoạch mở rộng đường trục xã dài khoảng 5,63km mặt cắt từ 5m lên 9m.

- Quy hoạch mở rộng đường trục thôn dài khoảng 11,1km mặt cắt từ 5m lên 7m.

- Quy hoạch mở rộng đường nội thôn, nội đồng dài khoảng 26,78km mặt cắt từ 4,5m lên 6m.

### **6.2. Định hướng quy hoạch cấp nước**

- Nguồn cấp nước dẫn từ các khe suối dẫn đến các đối tượng dùng nước.

Ngoài ra sử dụng nước ngầm.

- Hiện trạng 9 thôn bản đều có kênh mương đã cứng hóa, đảm bảo tưới tiêu phục vụ sản xuất thuận lợi.

- Nhu cầu cấp nước toàn xã đến năm 2035: 756 m<sup>3</sup>/ngày đêm

- Xã dự kiến xây dựng trạm cấp nước với công suất là 2.000m<sup>3</sup>/ngày đêm

### **6.3. Định hướng quy hoạch thoát nước**

*\* Thoát nước mặt:*

- Do mật độ xây dựng còn thưa thoáng, hiện tại nước mưa tự thấm một phần, phần còn lại nước mặt tiêu thoát chủ yếu theo địa hình về mương tiêu.

- Hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải thoát sinh hoạt thoát chung).

- Đối với các tuyến đường trong khu dân cư có mật độ cao bố trí hệ thống rãnh thu nước nắp đan thu nước mặt đường và thu nước thải sinh hoạt sau đó đổ vào hệ thống sông hồ... Đối với đường ngoài khu dân cư, đường tỉnh, đường liên xã bên taluy – phải bố trí hệ thống rãnh dọc thu nước, các đường tụ thủy phải gia cố tạo bậc giảm áp ...

*\* Thoát nước thải:* Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại, không được xả nước ra ao, hồ, kênh rạch, sông suối tự nhiên...

### **6.4. Định hướng quy hoạch cấp điện**

*\* Nguồn và lưới điện trung áp:*

- Nguồn điện cung cấp do nguồn điện của lưới điện quốc gia từ trạm 110KV Cầu Gò công suất 1x25MVA, cách trung tâm xã khoảng 7km.

- Đường điện 35kV hiện trạng sẽ được cải tạo, nâng cấp tiết diện, dịch chuyển cho phù hợp với quy hoạch giao thông.

*\* Trạm biến áp 35(22)/0,4kV:*

Cải tạo tuyến 35 KV theo đề án phát triển của ngành điện.

- Lưới hạ áp 0,4 KV: Xây dựng mới toàn bộ đến tận các hộ dân. Lưới 0,4 KV đi nổi, tổ chức mạng hình tia, dùng cáp có bọc cách điện (ABC) tiết diện 120-50mm<sup>2</sup>, bắt nổi trên cột điện bê tông ly tâm.

- Đường trục: Xây dựng mới và cải tạo đường dây 0,4 KV. Sử dụng cột BTLT 8,5m, và 10m, dây dẫn dùng dây ABC (4x70) đến dây ABC (4x120). Các tuyến đường dây 0,4 KV trục chính không dài quá 500m .

- Đường nhánh: dùng dây ABC (4x35) đến dây ABC (4x70). Sử dụng cột H-8,5 và cột cũ tận dụng từ đường trục 0,4 KV hiện có.

*\* Lưới điện hạ áp và chiếu sáng:*

- Lưới điện hạ thế: Thiết kế theo dạng hình tia phân nhánh. Để bảo đảm độ tin cậy cấp điện đề nghị các tuyến đường dây 0,4 kV trục chính không dài quá 500m.

- Lưới chiếu sáng: Bố trí chiếu sáng các đoạn đường trục chính tại một bên



đường và hai bên, hệ thống điện chiếu sáng đi ngầm. Tại các khu vực ngõ xóm dân cư ở tập trung lưới chiếu sáng đi kết hợp chung cột với lưới 0,4KV. Thiết bị chiếu sáng dùng loại đèn hiện đại tiết kiệm điện năng. Giai đoạn trước mắt đầu tư mạng lưới chiếu sáng ở khu trung tâm.

### **6.5. Định hướng quy hoạch nghĩa trang, rác thải, môi trường**

- + QH nghĩa trang liệt sỹ xã với diện tích 0,2ha.
- + QH nghĩa trang tại thôn La Thành với diện tích 0,5ha.
- + Quy hoạch điểm tập kết chất thải rắn, vật liệu xây dựng tại thôn thôn Song Sơn có diện tích 0,7ha.
- + Quy hoạch một bãi rác tập trung tại thôn Song Sơn có diện tích 0,55ha.
  - Các nghĩa trang được phân khu cát táng  $2m^2$ /người, hung táng  $5m^2$ /người, nghĩa trang có đường vào, có nơi làm lễ tưởng niệm, có người quản lý theo nghị định 35/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ.
  - Hạn chế tối đa ảnh hưởng tới các khu dân cư.
  - Tuân thủ tuyệt đối tiêu chuẩn xây dựng Nghĩa trang nhân dân.
  - Rác thải: Quy hoạch bổ xung các điểm tập kết rác thải sinh hoạt tại các thôn với bán kính phục vụ theo quy định. Đối với rác thải công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, y tế phải thu gom vận chuyển xử lý theo quy định.

## **7. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư**

### **7.1 Giai đoạn 2022 - 2030:**

1. Mở rộng thao trường bắn  $S=61,88ha$ , tổng diện tích sau mở rộng là 98,88ha.
2. Xây dựng CTQP trong khu TTMB- lữ đoàn 299 quy mô 2,0ha
3. Xây dựng công an xã Tiến Thắng với quy mô 0,15ha.
4. Xây dựng khu đô thị nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí hồ Cầu Rễ 47,16ha.
5. Xây dựng đất du lịch sinh thái hồ Cầu Rễ 27,9ha
6. Xây đất sân golf Tiến Thắng 173ha.
7. Xây dựng khu du lịch sinh thái hồ Đá Ong 74,01ha.
8. Quy hoạch đất phi nông nghiệp thôn Tiến Thịnh,  $S=1,0ha$ .
9. Quy hoạch đất phi nông nghiệp khu Cầu Cang thôn Tiến Thịnh,  $S=0,5ha$ .
10. Quy hoạch khuôn viên nhà văn hóa thôn Tiến Thịnh,  $S=0,2ha$ .
11. Quy hoạch mở rộng khuôn viên nhà văn hóa thôn La Thành,  $S=0,12ha$ , DT sau mở rộng 0,22ha.
12. Quy hoạch mở rộng khuôn viên nhà văn hóa thôn Hợp Thắng,  $S=0,18ha$ , DT sau mở rộng 0,62ha.
13. Quy hoạch khu thương mại dịch vụ thôn La Thành,  $S=4,73ha$ .

14. Quy hoạch đất cơ sở TBXH ngoài công lập số 9 (thôn Song Sơn)
15. Quy hoạch khu thương mại dịch vụ, năng lượng thôn La Thành, S=2,8ha.
16. Quy hoạch chợ trung tâm xã Tiến Thắng, S=0,75ha.
17. Quy hoạch nghĩa trang liệt sỹ xã Tiến Thắng, S=0,2ha
18. Quy hoạch bãi rác của xã tại thôn Song Sơn, S=0,55ha.
19. Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung thôn La Thành, S=1,25ha.
20. Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn xây dựng thôn Song Sơn, S=0,7ha.
21. Quy hoạch khu dân cư thôn Hợp Thắng S=2,ha.
22. Quy hoạch khu dân cư thôn Tiến Thịnh S=1,5ha
23. Quy hoạch khu dân cư thôn La Thành S=34,05ha.
24. Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thôn La Thành, S=16,8ha.
25. Quy hoạch khu thương mại dịch vụ xã thôn La Thành, S=30,1ha.
26. Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thôn La Thành 8,96ha.
27. Quy hoạch trạm cấp nước sạch 2.000m<sup>3</sup>/nđ, S=0,5ha.
28. Quy hoạch đường tỉnh ĐT 294B (tên mới) tuyến kết nối QL37-QL17-Võ Nhai dài 3,743km, mặt cắt 45m.
29. Quy hoạch đường tỉnh ĐT 294D (tên mới) tuyến QL17-Tiến Thắng dài 5,195km, mặt cắt 45m .

## **7.2 Giai đoạn 2031- 2035:**

1. Quy hoạch nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã, S=0,1ha tại nghĩa trang liệt sỹ xã cũ.
2. Quy hoạch nghĩa trang thôn La Thành, S=0,5ha.
3. Quy hoạch mở rộng trường THCS 0,1ha, diện tích sau mở rộng là 0,707ha.
4. Quy hoạch mở rộng đường trục xã dài khoảng 5,63km mặt cắt từ 5m lên 9m.
5. Quy hoạch mở rộng đường trục thôn khoảng 11,1km mặt cắt từ 5m lên 7m.
6. Quy hoạch mở rộng đường nội thôn, nội đồng dài khoảng 26,78km mặt cắt từ 4,5m lên 6m.
7. Quy hoạch đường huyện ĐH 54D dài 2,24 km, mặt cắt 31,4m.
8. Quy hoạch đường huyện ĐH 54B dài khoảng 3km mặt cắt 31,4m.
9. Quy hoạch mở rộng đường huyện ĐH 54C dài khoảng 3,57km mặt cắt từ 6m lên 31,4m.

## **8. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:**

Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tiến Thắng đã thể hiện được đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP về quy hoạch xây dựng.

## **9. Tổ chức thực hiện:**

UBND xã Tiến Thắng có trách nhiệm công bố, cắm mốc giới theo quy hoạch ra ngoài thực địa, điều chỉnh các quy hoạch có liên quan theo điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tiến Thắng đến năm 2035, quản lý và tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Trên đây là những nội dung chủ yếu của Đồ Án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 đến 2035 tỉ lệ 1/10.000, Phòng Kinh tế và Hạ tầng đề nghị UBND huyện Yên Thế xem xét, phê duyệt theo đúng quy định hiện hành./.

*(Có Đồ Án điều chỉnh kèm theo)*

***Nơi nhận:***

- CT, các PCT UBND huyện;
- Hội đồng thẩm định;
- LĐ, CV<sub>văn</sub> Phòng;
- Lưu VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Hoàng Văn Thái**

